



xīn xiù

新秀

noun · rising star, new talent

Example Sentences

tā shì jīn nián gē tán de xīn xiù
他是今年歌坛的新秀。

He is this year's rising star in the music scene.

zhè wèi nián qīng qí shǒu shì wéi qí jiè de xīn xiù
这位年轻棋手是围棋界的新秀。

This young player is a new talent in the Go world.

Trace each character, then write the word on your own.

新	新	新	新	新	新	新	新	新	新	新
新	新	新	新	新						
秀	秀	秀	秀	秀	秀	秀	秀	秀	秀	